|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**  Số: /2017/TT-BTTTT | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Hà Nội, ngày tháng năm 2017* |

**THÔNG TƯ**

**Dự thảo 2**

Ngày 28/4/2017

**Quy định mức giá cước tối đa và chính sách miễn, giảm giá cước**

**dịch vụ nhận gửi hồ sơ, chuyển trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính**

**qua dịch vụ bưu chính công ích**

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

*Căn cứ Luật Bưu chính ngày 17 tháng 6 năm 2010;*

*Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;*

*Căn cứ Nghị định số 47/2011/NĐ-CP ngày 17 tháng 6 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số nội dung của Luật Bưu chính;*

*Căn cứ Nghị định số*[*177/2013/NĐ-CP*](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=177/2013/N%C4%90-CP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1)*ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá; Nghị định số*[*149/2016/NĐ-CP*](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=149/2016/N%C4%90-CP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1)*ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số*[*177/2013/NĐ-CP*](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=177/2013/N%C4%90-CP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1)*;*

*Căn cứ Nghị định số* [*17/2017/NĐ-CP*](http://mic.gov.vn/Pages/VanBan/13882/17_2017_Nd-CP.html)*ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;*

*Căn cứ Quyết định số 41/2011/QĐ-TTg ngày 03 tháng 8 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc chỉ định doanh nghiệp thực hiện duy trì, quản lý mạng bưu chính công cộng, cung ứng dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ bưu chính quốc tế;*

*Căn cứ Quyết định số 45/2015/QĐ-TTg ngày 24 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về cung ứng dịch vụ bưu chính công ích và dịch vụ công ích trong hoạt động phát hành báo chí;*

*Căn cứ Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Bưu chính,*

*Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Thông tư quy định mức giá cước tối đa và chính sách miễn, giảm giá cước dịch vụ nhận gửi hồ sơ, chuyển trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích.*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định mức giá cước tối đa và chính sách miễn, giảm giá cước dịch vụ nhận gửi hồ sơ, chuyển trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích (sau đây gọi là dịch vụ nhận gửi hồ sơ, chuyển trả kết quả).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, cá nhân có yêu cầu thực hiện thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích.

2. Tổng công ty Bưu điện Việt Nam.

Điều 3. Mức giá cước tối đa dịch vụ nhận gửi hồ sơ, chuyển trả kết quả

1. Mức giá cước tối đa dịch vụ nhận gửi hồ sơ, chuyển trả kết quả quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

2.Dịch vụ nhận gửi hồ sơ, chuyển trả kết quả thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng theo quy định tại khoản 10 Điều 5 Luật Thuế giá trị gia tăng.

**Điều 4. Chính sách miễn giảm giá cước dịch vụ nhận gửi hồ sơ, chuyển trả kết quả**

1. Đối tượng được miễn giá cước dịch vụ nhận gửi hồ sơ, chuyển trả kết quả gồm:

a) Bà mẹ Việt Nam anh hùng;

b) Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng Lao động;

c) Bệnh binh, Thương binh và người hưởng chính sách như thương binh.

2. Đối tượng được giảm giá cước dịch vụ nhận gửi hồ sơ, chuyển trả kết quả gồm:

a) Vợ hoặc chồng, con đẻ, mẹ đẻ, bố đẻ của các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Gia đình thuộc diện hộ nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

3. Các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều này được hưởng mức giảm tối thiểu 50% giá cước dịch vụ nhận gửi hồ sơ, chuyển trả kết quả quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Tùy theo khả năng cung ứng dịch vụ, Tổng công ty Bưu điện Việt Nam có thể mở rộng đối tượng tại khoản 1, khoản 2 Điều này và điều chỉnh mức giảm giá cước cho các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều này cho phù hợp nhưng bảo đảm không thấp hơn mức quy định tại khoản 3 Điều này.

5. Người được miễn, giảm giá cước dịch vụ nhận gửi hồ sơ, chuyển trả kết quả phải xuất trình giấy chứng nhận thuộc đối tượng quy định cùng giấy tờ tùy thân khi sử dụng dịch vụ.

Điều 5. Trách nhiệm Tổng công ty Bưu điện Việt Nam

1. Quyết định giá cước cụ thể đối với dịch vụ nhận gửi hồ sơ, chuyển trả kết quả theo thẩm quyền bảo đảm không cao hơn mức giá cước tối đa quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Báo cáo Bộ Thông tin và Truyền thông về giá cước nhận gửi hồ sơ, chuyển trả kết quả trước khi triển khai áp dụng trên toàn mạng lưới.

3. Thực hiện niêm yết, công khai giá cước dịch vụ nhận gửi hồ sơ, chuyển trả kết quả theo quy định của pháp luật về giá.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2017.

2. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Bưu chính, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông, Tổng giám đốc Tổng công ty Bưu điện Việt Nam và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Thông tin và Truyền thông để xem xét, sửa đổi, bổ sung./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Thủ tướng Chính phủ và các Phó Thủ tướng CP;  - Văn phòng TW và các Ban của Đảng;  - Văn phòng Tổng Bí thư;  - Văn phòng Quốc hội;  - Văn phòng Chủ tịch nước;  - Văn phòng Chính phủ;  - Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;  - Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;  - Toà án nhân dân tối cao;  - Kiểm toán Nhà nước;  - Cơ quan TW của các đoàn thể;  - HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;  - Sở TTTT các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;  - Bộ Tài chính: Cục Quản lý giá, Cục TCDN;  - Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);  - Cổng TTĐT Chính phủ, Công báo;  - Bộ TTTT: Bộ trưởng và các Thứ trưởng, các cơ quan,  đơn vị thuộc Bộ, Cổng TTĐT Bộ;  - Lưu: VT, BC (300). | **BỘ TRƯỞNG**  **Trương Minh Tuấn** |

**PHỤ LỤC**

**MỨC GIÁ CƯỚC TỐI ĐA**

**DỊCH VỤ NHẬN GỬI HỒ SƠ, CHUYỂN TRẢ KẾT QUẢ**

(*Ban hành kèm theo Thông tư số /2017/TT-BTTTT*

*ngày / /2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)*

**1. Mức giá cước tối đa dịch vụ nhận gửi hồ sơ, chuyển trả kết quả một chiều**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Loại bao bì** | **Mức giá cước tối đa (đồng)** | | | |
| Nội tỉnh | | | Liên tỉnh |
| Nội thành/thị/huyện | Liên quận/huyện | Nội thành/thị  <-> huyện đảo |
| 1 | HCC 1 | 20.000 | 28.000 | 32.000 | 36.000 |
| 2 | HCC 2 | 24.000 | 36.000 | 40.000 | 44.000 |
| 3 | HCC 3 | 32.000 | 44.000 | 52.000 | 56.000 |

**2. Mức giá cước tối đa dịch vụ nhận gửi hồ sơ, chuyển trả kết quả hai chiều**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Loại bao bì** | **Mức giá cước tối đa (đồng)** | | | |
| **Nội tỉnh** | | | **Liên tỉnh** |
| Nội thành/thị/huyện | Liên quận/huyện | Nội thành/thị  <-> huyện đảo |
| 1 | HCC 1 | 30.000 | 37.500 | 45.000 | 52.500 |
| 2 | HCC 2 | 37.500 | 45.000 | 52.500 | 60.000 |
| 3 | HCC 3 | 45.000 | 52.500 | 60.000 | 97.500 |

***Ghi chú:***

* HCC1 là loại bao bì A5 tương ứng khối lượng đến 250 gram.
* HCC2 là loại bao bì A4 tương ứng khối lượng đến 500 gram.
* HCC3 là loại bao bì A4/A3 có đáy tương ứng khối lượng trên 500 gram.

**--------------------------------------**